

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Light

YUKON S1 PS

Giày an toàn b ề n , nh ẹ
như n g **mái** oả
Giày an to à **Yukon** **khí** **trong** và có th ể điều chỉnh
độ c đáo. Chất l iệu mặt **trên** **thoáng khí** và đế **trong** nh ẹ đảm
bảo rắn g Yukon mang đế n chất l ư ợn g **thông** **thoáng** chân
bạn **khô** **ráo** và **mát** trả ả ngày. Chúng tôi đã t iến t k **đôi** giày an toàn này
cự i **mái** mà không gây cảm giác m ệ t m ỏi hay khó chịu.
i nói rằ g có cảm giác như bạn đang mang m ộ t chiế c t ất vào
chân.

Những vật liệu **cao** cấ **may** nhỏ, D sợ	
lót bên **trong** i nhỏ sợ	
trong Đ ệm **chân** **SJ** làm từ **mút** **tái** chế (96% vật liệu **tái** chế)	
iữa đế g ệt chống thủ ng	
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S1 PS / SR, FO, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng t **thép**	0.495 kg
ẩn **hóa** **chu**	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

8.01 kg



NAV



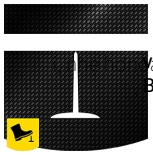
BLK



Phần **trên** **thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt
độ **mái** tạo lâu hơn.



SRC
là trong những **giày** an toàn và
giày bảo **SRA** qua cả bài
SRA và SRB, chúng được kiểm
tra trên cả bề mặt thép và gốm.



SJ Flex
Vật liệu chống đâm thủng không
và thép. Vật liệu không
Bao 100% cùng.



X
ESD cung cấp khả năng xả năng
lượng tĩnh điện có kiểm soát có
thể làm hỏng các bộ phận điện
tử và ngăn chặn bắt lửa do tích điện.
100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



T
SJ BỌ
chống tĩnh **mái** có thể tháo
lót **chân** ệm
gót **chân** và bàn **Thoáng** **khí** và hút ẩm.



Mũi **giày** an toàn bằng **thép**
Giá đỡ **gót** **chân** hoặc rơ

Công nghiệp **n:**

cần , lĩnh vực ô tô, phục vụ ăn uống, Thực phẩm & Đồ thuộc về y học

ường: **Môi** t
rường môi khô

Cac hương **dân ba#o tri:**

éo dài t Đặc biệt giày, chúng tôi khuyên bạn nên vệ sinh giày thường xuyên và bảo vệ chúng bằng cách phù hợp với Không trên lò s

K

Sự **miêu** tả	**EN ISO 20345**	đơn vị **đo** lường
Những vật liệu **máy** , sợi **cao** cấp hơn		
Top: khả năng thấm hơi	? 0.8	25.5 mg/cm/giờ
Top: hiệu suất hơi	? 15	204.4 mg/cm2
ót bên trong		
Lớp lót: thấm hơi	? 2	86.31 mg/cm/giờ
lót: hiệu suất hơi	? 20	691 mg/cm2
rong Đệm **chân SJ** làm từ **mút tái** chế **(96%** vật liệu **tái** chế)		
đệm chân: Độ bền mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đế **PU / PU**		
Chống trượt (mài mòn) đế ngoài	? 150	33.4 mm
Chất lượng bám - Ceramic + NaLS - Trượt gót về phía trước	? 0.31	0.42 ma sát
Chất lượng bám - Gốm + NaLS - Trượt lùi về phía trước	? 0.36	0.37 ma sát
Chất lượng bám - Gốm + Glycerin - Trượt gót về phía trước	? 0.19	0.26 ma sát
Chất lượng bám - Gốm + Glycerin - Trượt lùi về phía trước	? 0.22	0.23 ma sát
Giá trị chống tĩnh điện	0.1 - 1000	38.3 megaohm
Giá trị ESD	0.1 - 100	31 megaohm
Hấp thụ năng lượng gót chân của	? 20	24 J
Đầu ngón chân **Thép**		
Mũi giày an toàn chống va đập (khoảng cách sau va đập 100J)	N/A	N/A mm
Mũi bảo hộ chống nén (khoảng hở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A mm
Mũi giày an toàn chống va đập (khoảng cách sau va đập 200J)	? 14	15.0 mm
Mũi giày an toàn chống nén (khoảng hở sau khi nén 15kN)	? 14	20.0 mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi không có thể và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Sự **miêu** tả	đơn vị **đo** lường	Kết quả
i CO2 phát thải		
Vật liệu	5.74	kg
Bao bì	0.12	kg
Sản xuất	1.90	kg
Chuyên chở	0.26	kg
	8.01 kg CO2/cặp	

Sự **miêu** tả	Kết quả
ệu vật liệu Tiêu **tái** chế	
Product	7%
Bao bì	99%

Tính toán CO2:
Các giá trị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com